

Số: /TB-UBND

Nam Triệu, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Nam Triệu

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu thông báo mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường như sau:

1. Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường;
- Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt;
- Các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường.

2. Mức giá dịch vụ áp dụng

Căn cứ Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, phường Nam Triệu thuộc Khu vực 1. Mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng trên địa bàn phường như sau:

2.1. Đối với hộ gia đình, cá nhân và cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phát sinh chất thải rắn sinh hoạt dưới 300 kg/ngày quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá chưa bao gồm VAT	Mức giá đã bao gồm VAT 8%
I	Mức thu theo khối lượng			
1	Thu gom đồng thời chất thải thực phẩm, hữu cơ và chất thải khác còn lại	Đồng/kg	551	595
2	Thu gom chất thải thực phẩm, hữu cơ	Đồng/kg	673	727

3	Thu gom chất thải sinh hoạt khác còn lại	Đồng/kg	527	569
II	Mức thu giá theo nhân khẩu			
1	Thu gom đồng thời chất thải thực phẩm, hữu cơ và chất thải khác còn lại	Đồng/người/tháng	14.500	15.660
2	Thu gom chất thải thực phẩm, hữu cơ	Đồng/người/tháng	5.100	5.508
3	Thu gom chất thải sinh hoạt khác còn lại	Đồng/người/tháng	9.400	10.152

2.2. Đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ 300 kg/ngày trở lên

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá chưa bao gồm VAT	Mức giá đã bao gồm VAT 8%
I	Dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt			
1	Thu gom đồng thời chất thải thực phẩm, hữu cơ và chất thải khác còn lại	Đồng/kg	551	595
2	Thu gom chất thải thực phẩm, hữu cơ	Đồng/kg	673	727
3	Thu gom chất thải sinh hoạt khác còn lại	Đồng/kg	527	569
II	Dịch vụ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt			
1	Vận chuyên chất thải thực phẩm, hữu cơ	Đồng/kg	413	446
2	Vận chuyên chất thải sinh hoạt khác còn lại	Đồng/kg	338	365
III	Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt			
1	Vận hành cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh (bao gồm xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt) tại Khu xử lý Trảng Cát, Đình Vũ, Gia Minh	Đồng/kg	155	167

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Các hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;
- Thực hiện chi trả giá dịch vụ đầy đủ, đúng thời gian quy định;
- Phối hợp với đơn vị thu gom và chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ môi trường.

3.2. Đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Tổ chức thu giá dịch vụ đúng đối tượng, đúng mức giá được cơ quan có thẩm quyền quy định;
- Thực hiện niêm yết công khai mức giá dịch vụ và các nội dung liên quan

theo quy định;

- Bảo đảm công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đúng thời gian, đúng địa điểm, đúng tần suất và quy trình kỹ thuật; không để xảy ra tình trạng tồn đọng rác thải gây ô nhiễm môi trường;

- Kịp thời báo cáo, phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện về UBND phường để xem xét, chỉ đạo xử lý.

3.3. Giao Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, bảo đảm đúng quy định;

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện; tham mưu UBND phường chỉ đạo, xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

3.4. Giao Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công

- Chủ trì rà soát, thống kê, cập nhật danh sách hộ gia đình, nhân khẩu và các đối tượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn làm cơ sở phục vụ công tác quản lý và tổ chức thực hiện;

- Phối hợp với các tổ dân phố, đơn vị cung ứng dịch vụ và các cơ quan liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đến các hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn để biết và thực hiện thống nhất.

3.5. Giao Tổ trưởng các Tổ dân phố

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và chấp hành việc chi trả giá dịch vụ theo quy định;

- Phối hợp giám sát quá trình triển khai thực hiện tại địa bàn dân cư; kịp thời phản ánh về UBND phường các trường hợp thu không đúng quy định hoặc phát sinh khó khăn, vướng mắc để xem xét, xử lý.

3.6. Thời gian thực hiện

Áp dụng từ ngày 01/5/2026 trên địa bàn toàn phường cho đến khi có thông báo mới thay thế.

Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn biết, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng uỷ, HĐND, UBNDTTQ phường;
- CT, các PCT UBND phường ;
- Trưởng các Ban ngành, đoàn thể;
- Các phòng: KTHT&ĐT; VH - XH;
- Tổ trưởng các Tổ dân phố, BT chi bộ;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Tuấn